

Bản án số: 333/2024/HS-PT
Ngày 10 tháng 5 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Đức Thọ

Các thẩm phán: Ông Lê Hoàng Tân

Bà Trần Thị Thúy Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Dũng - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 10 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 865/2023/TLPT-HS ngày 27 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo Vũ Thị Hải Y do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 468/2023/HS-ST ngày 18/9/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có kháng cáo: Vũ Thị Hải Y; sinh năm: 1974; tại: Thành phố Hà Nội; thường trú: 15 Ngách C Đê L, Ô, quận Đ, Thành phố Hà Nội; tạm trú: Nhà J1, khu L, L, phường P, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Anh Q và bà Vũ Thị N; có chồng (đã ly hôn) và 03 con, lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất năm 2013; tiền án, tiền sự: không; tạm giam từ ngày 14/01/2023; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Vũ Thị Hải Y: Luật sư Nguyễn Văn X, Văn phòng L1, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H, vắng mặt và có văn bản xin xét xử vắng mặt.

Ngoài ra còn có bị cáo Nguyễn Thị Bích H không có kháng cáo và không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 07/02/2020, Công ty TNHH T2 (viết tắt là Công ty T2) đăng ký 01 tờ khai hải quan số: 103138540260/A11, nhập khẩu Mỹ phẩm các loại (gồm 13 mục); Xuất xứ: Australia. Hàng mới 100%; Trọng lượng: 1.135 kg; Tổng trị giá hàng hóa

theo khai báo: 66.599,312 AUD (tương đương khoảng 1.097.496.064 đồng) có C/O ưu đãi đặc biệt, số thuế phải nộp là 109.749.606 đồng.

Ngày 18/02/2020 đến ngày 03/03/2020, Đội thủ tục hàng hóa nhập khẩu phối hợp với Bộ phận kiểm soát, Đội giám sát và Kiểm soát Hải quan thuộc Chi cục Hải quan Cửa khẩu Sân bay Quốc tế T3 tiến hành kiểm tra thực tế toàn bộ lô hàng, kết quả như sau:

1. Hàng hóa khai báo là: Sữa rửa mặt giúp làm sạch da và se khít lỗ chân lông “A1, số lượng: 542 hộp.

Kết quả kiểm tra thực tế, xác định tên hàng tên hàng là “Autumn Gold anti-ageing C.

2. Hàng hóa khai báo là: Toner cấp ẩm, cân bằng ẩm, cân bằng độ PH cho da, giúp da sáng, mịn, chống nhăn da “Autumn Gold H, số lượng: 498 hộp.

Kết quả kiểm tra thực tế, xác định tên hàng là “Autumn Gold anti-ageing H.

3. Hàng hóa khai báo là: Kem cung cấp dưỡng chất cho da, giúp da săn chắc, mịn màng, chống nhăn da “Autumn Gold Anti-Aging F”, số lượng: 503 hộp.

Kết quả kiểm tra thực tế, xác định đúng khai báo.

4. Hàng hóa khai báo là: Kem cung cấp dưỡng chất cho da vùng mắt, giúp da săn chắc, mịn màng, chống nhăn da “Autumn Gold Anti-Aging E”, số lượng: 501 hộp.

Kết quả kiểm tra thực tế, xác định đúng khai báo.

5. Hàng hóa khai báo là: Tinh chất cung cấp dưỡng chất cho da, giúp da săn chắc, mịn màng, chống nhăn da “A2”, số lượng: 507 hộp.

Kết quả kiểm tra thực tế, xác định tên hàng “Autumn Gold anti-ageing F”.

6. Hàng hóa khai báo là: Kem cung cấp dưỡng chất cho da, giúp da săn chắc, mịn màng, chống nhăn da “Autumn Gold A Night Cream”, số lượng: 467 hộp.

Kết quả kiểm tra thực tế, xác định đúng khai báo.

7. Hàng hóa khai báo là: Gel làm sạch da mặt, se khít lỗ chân lông, giúp da mịn màng, sáng da “Midnight Silk Whitening Gel Cleanser”, số lượng: 500 hộp.

Kết quả kiểm tra thực tế, xác định tên hàng tên hàng “Midnight Silk G”.

8. Hàng hóa khai báo là: Toner dưỡng da, cấp ẩm giúp da trắng sáng mịn màng “Midnight Silk Hydrating Toning Mist”, số lượng: 489 hộp.

Kết quả kiểm tra thực tế, xác định tên hàng “Midnight Silk Whitening Toning Mist” và thừa 09 hộp so với khai báo.

9. Hàng hóa khai báo là: Tinh chất dưỡng da, giúp da trắng sáng mịn màng “Midnight Silk W”, số lượng: 400 hộp.

Kết quả kiểm tra thực tế, xác định đúng khai báo.

10. Hàng hóa khai báo là: Tinh chất dưỡng da vùng mắt, giúp da trắng sáng mịn màng “Midnight Silk Whitening E1”, số lượng 485 hộp.

Kết quả kiểm tra thực tế, xác định thừa 18 hộp so với khai báo.

11. Hàng hóa khai báo là: Kem dưỡng da ban đêm, giúp da trắng sáng mịn màng “Midnight Silk Whitening N”, số lượng: 400 hộp.

Kết quả kiểm tra thực tế, xác định đúng với khai báo.

12. Hàng hóa khai báo là: Sữa tẩy trang loại bỏ lớp trang điểm, làm sạch da “Koalala Makeup Remover”, số lượng: 445 hộp.

Kết quả kiểm tra thực tế, xác định tên hàng “Koalala Reset M”.

13. Hàng hóa khai báo là: Sữa dưỡng thể cấp ẩm, cân bằng ẩm, giúp da mịn màng “Koalala Body-Oil”, số lượng: 485 hộp.

Kết quả kiểm tra thực tế, xác định tên hàng “Koalala Pure Glow B”, thừa 18 hộp so với khai báo.

14. Mặt hàng không khai báo hải quan. Kết quả kiểm tra thực tế, xác định tên hàng: M1 50ml, số lượng 400 hộp.

Như vậy, kết quả kiểm tra thực tế hàng hóa theo thống kê nêu trên như sau:

- Hàng hóa khai báo đúng được nêu tại các danh mục thứ tự số: 3, 4, 6, 9, 11 và số 10 (485 hộp).

- Hàng hóa khai báo sai, gồm:

+ Hàng hóa thực tế nhập khẩu sai tên so với tờ khai nhập khẩu, Giấy chứng nhận xuất xứ (C) và Phiếu công bố sản phẩm (đối với danh mục thứ tự số: 1, 2, 5, 7);

+ Hàng hóa thực tế nhập khẩu sai tên và nhiều hơn số lượng so với tờ khai nhập khẩu, Giấy chứng nhận xuất xứ (C), Phiếu công bố sản phẩm so với hàng hóa thực tế (đối với danh mục thứ tự số 8);

+ Hàng hóa thực tế nhập khẩu sai tên và sai dung tích sản phẩm so với tờ khai nhập khẩu, Giấy chứng nhận xuất xứ (C), Phiếu công bố sản phẩm so với hàng hóa thực tế (đối với danh mục thứ tự số 12);

+ Hàng hóa thực tế nhập khẩu sai tên, sai dung tích sản phẩm và dư thừa số lượng so với tờ khai nhập khẩu, Giấy chứng nhận xuất xứ (C), Phiếu công bố sản phẩm so với hàng hóa thực tế (đối với danh mục thứ tự số 13);

+ Hàng hóa thực tế dư thừa số lượng so với khai báo trên tờ khai nhập khẩu là 18 hộp Tinh chất dưỡng da vùng mắt, giúp da trắng sáng mịn màng Midnight Silk Whitening E 15ml/PCE, nhãn hàng Midnight Silk, CB số 102149/19/CBMP-QLD, hàng mới 100%, HSD: 03/2020, xuất xứ: Australia (đối với danh mục thứ tự số 10).

+ Hàng hóa thực tế nhập khẩu không khai báo trên tờ khai (danh mục thứ tự số 14) là 400 hộp Midnight Silk Antioxidant Whitening C 50ml.

Tổng trị giá lô hàng vi phạm là 932.273.742 đồng. Trong đó: Trị giá hàng hóa không đủ điều kiện, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật nhập khẩu là: 892.249.493 đồng và trị giá hàng sai số lượng là 40.024.249 đồng.

- Xác minh tại Tổng Công ty H2, xác định: Ngày 31/12/2019, Tổng Công ty H2 thực hiện dịch vụ vận chuyển hàng hóa cho Công ty T2 từ Australia về Việt Nam trên chuyến bay VN780/MEL-SGN, hàng hóa do đơn vị B, Shanaya Lawes & Kerry Evans thuộc Tổng đại lý A3 trực tiếp trao đổi, đặt chỗ vận chuyển lô hàng trên, quy trình vận chuyển hàng hóa cụ thể như sau: Ngày 18/12/2019, Công ty A4 gửi thư điện tử đặt chỗ hàng vận chuyển là C (mỹ phẩm) chứa trong 05 kiện hàng với tổng khối lượng 1.375kg, dự kiến vận chuyển trên chuyến bay VN780, theo vận đơn số 73846704044, sau đó, hủy đặt chỗ vận chuyển hàng hóa.

Đến ngày 19/12/2019, Công ty A4 tiếp tục đặt chỗ lại, kê khai hàng hóa vận chuyển là C1 (hàng gom) chứa trong 05 kiện hàng với tổng khối lượng 1.135kg, theo vận đơn chính số 73847167315 đề ngày 19/12/2019 và vận đơn thứ cấp số S00062353 do WHITE LABEL COSMETICS, Australia gửi cho Công ty T2. Hàng hóa được vận chuyển và đưa vào kho lạnh của Công ty TNHH D để bảo quản vào ngày 30/12/2019 cho đến nay. Vào ngày 21/01/2020, Công ty A4 đã thanh toán phí vận chuyển với số tiền 908 \$AUD (chín trăm lẻ tám đô la Úc).

- Xác minh tại T4 và Cục H3, xác định: Công ty T2 có nhập khẩu hàng hóa mỹ phẩm các loại từ Công ty I (thương hiệu W), theo tờ khai hải quan số 103138540260/A11 đề ngày 07/02/2020 tại Chi cục Hải quan Cửa khẩu T3, qua kiểm tra thực tế hàng hóa, xác định Công ty TNHH T2 có hành vi không khai, nộp hồ sơ hải quan không đúng thời hạn quy định. Ngày 31/03/2020, Chi cục Hải quan Cửa khẩu T3 lập biên bản vi phạm số 31/BB-VPHC về hành vi nêu trên.

- Xác minh tại Chi cục Hải quan Cửa khẩu T3, xác định: Tờ khai hải quan số 103138540260/A11, đề ngày 07/02/2020 được hệ thống VNCCS/VCIS tự động phân vào “Mã phân loại kiểm tra” số 3, kiểm tra thực tế hàng hóa; Đội Thủ tục hàng hóa nhập khẩu, Đội Giám Sát và Kiểm soát Hải quan thuộc Chi cục Hải quan Cửa khẩu T3 trực tiếp kiểm tra với sự chứng kiến của Nguyễn Thị Bích H, đại diện Công ty T2; Từ ngày 23/3/2020 đến ngày 25/3/2020, Công ty T2 đã 02 lần thực hiện thủ tục khai báo bổ sung và truyền dữ liệu vào hệ thống dữ liệu điện tử Hải quan, nhưng do đã có hành vi vi phạm hành chính trong việc nhập khẩu hàng hóa không khai báo, khai báo sai số lượng, sai tên hàng, sai dung tích sản phẩm; hàng hóa nhập khẩu không đủ điều kiện tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật và không thuộc trường hợp được khai báo bổ sung, Cơ quan Hải quan không chấp nhận việc khai báo bổ sung của Công ty T2.

- Xác minh tại Cục Q1 – Bộ Y1, xác định: Theo quy định tại Nghị định số 69/2018/NĐ-CP đề ngày 15/5/2018, quy định mỹ phẩm là sản phẩm thuộc danh mục hàng hóa xuất, nhập khẩu theo giấy phép, điều kiện do Bộ Y1 quản lý, do đó, đối với 400 hộp sản phẩm mỹ phẩm M Antioxidant Whitening C, Cục Q1 – Bộ Y1 chưa cấp phép công bố nên Công ty T2 không được nhập khẩu và lưu thông trên thị trường.

Căn cứ quy định tại Điều 9 và Phụ lục số 05-MP của Thông tư số 106/2011/TT-BYT đề ngày 25/01/2011, quy định về thay đổi nội dung đã công bố “Đối với các sản phẩm mỹ phẩm đã công bố và được cấp số tiếp nhận Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm, khi thay đổi nội dung tên sản phẩm (trong đó có tên hàng hóa) thì cá nhân, tổ chức phải có văn bản đề nghị bổ sung, kèm theo tài liệu liên

quan và phải được sự chấp thuận bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc thực hiện công bố mới theo quy định. Qua đối chiếu với kết quả kiểm thực tế hàng hóa nhập khẩu của Công ty T2 theo tờ khai hải quan số 103138540260/A11 ngày 07/02/2020 với hồ sơ cấp 13 số tiếp nhận Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm cho Công ty T2 đã khai báo, xác định: có 05 sản phẩm có tên hàng mỹ phẩm sai so với công bố, 02 sản có cả tên hàng và dung tích sản phẩm mỹ phẩm sai so với công bố, với tổng trị giá của 07 sản phẩm là: 624.587.250đồng.

- Xác minh tại Văn phòng đại diện Cục S trí tuệ tại TP ., xác định: Không tìm thấy thông tin về việc đăng ký bảo hộ tại Việt Nam cho các sản phẩm mỹ phẩm nhãn hiệu “Autumn Gold...”, “Midnight Silk...” và K...”.

- Xác minh tại Công ty Cổ phần D, xác định: Từ ngày 04/01/2020 đến nay, công ty có thực hiện dịch vụ bốc dỡ gia cố kiểm soát hàng hóa, lưu kho bảo quản hàng hóa nhập khẩu từ Australia về Việt Nam trên chuyến bay VN780 ngày 31/12/2019 cho Công ty T2, theo vận đơn số S00062353. Công ty T2 đã chuyển khoản thanh toán tổng phí dịch vụ là 107.620.830đ.

- Xác minh hoạt động tài khoản số 19132830630011 của Công ty T2, mở tại Phòng G1, Ngân hàng T5 – Chi nhánh T6, TP ., xác định:

+ Ngày 19/12/2018, chuyển số tiền 23.085.000 đồng và ngày 23/12/2019, tiếp tục chuyển số tiền 2.505.000đ vào tài khoản Công ty TNHH T7 để thanh toán tiền phí dịch vụ công bố sản phẩm mỹ phẩm các loại;

+ Ngày 27/12/2019, chuyển số tiền 1.318.900 đồng vào tài khoản Công ty Cổ phần T8 để thanh toán tiền phí dịch vụ sử dụng chữ ký số;

+ Ngày 15/02/2020, chuyển số tiền 65.211.380 đồng vào tài khoản Công ty TNHH A5 để thanh toán tiền phí dịch vụ mở tài khai hải quan;

+ Ngày 15/02/2020, chuyển số tiền 76.002.575 đồng vào tài khoản Công ty Cổ phần D để thanh toán tiền phí dịch vụ bốc dỡ hàng hóa, phí lưu kho bảo quản hàng hóa;

+ Ngày 17/02/2020, chuyển số tiền 109.769.000 đồng và ngày 26/03/2020 tiếp tục chuyển số tiền 27.497.270đ vào tài khoản số 2995081 của Chi cục Hải quan Cửa khẩu S1 nhất để đóng thuế GTGT và phí hải quan nhập khẩu hàng hóa mỹ phẩm các loại;

+ Ngày 01/08/2018, Công ty T2 đã thực hiện thủ tục tại Ngân hàng T5 để mua số tiền 49.818,78 AUD; ngày 24/01/2019 mua số tiền 11.000 AUD; ngày 23/11/2020 mua số tiền 20.000 AUD và ngày 04/06/2019 tiếp tục mua số tiền 18.145,59 AUD để thanh toán tiền mua mỹ phẩm các loại cho Công ty I, Australia.

- Xác minh tại Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh, xác định: Ngày 16/06/2020, Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh có tiếp nhận, thụ lý khởi kiện đề ngày 01/06/2020 của Công ty T2 do Vũ Thị Hải Y làm người đại diện theo pháp luật với nội dung: Khởi kiện Công ty I, Australia (Úc) đã thực hiện sai điều khoản hợp đồng mua bán số 01/KOA/2018 đề ngày 20/07/2018, buộc Công ty I1 lại hàng hóa là mỹ phẩm các loại đã gửi và bồi thường thiệt hại cho Công ty T2. Đến ngày 06/11/2020, Công ty T2 đã có văn bản rút toàn bộ nội dung khởi kiện nêu trên nên Tòa án nhân dân đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án vào ngày 16/11/2020.

- Xác minh tại Công ty Cổ phần C2, xác định: Công ty T2 có đăng ký chữ ký số và sử dụng chữ ký số này đến nay, trong đó có truyền tờ khai hải quan số 103138540260/A11, ngày 07/02/2020.

- Bị can Vũ Thị Hải Y - Giám đốc Công ty T2 khai: Vào năm 2018, thông qua Daniel M sống tại nước Úc, giới thiệu Công ty I (Australia) chuyên sản xuất mỹ phẩm thương hiệu W. Ngày 20/9/2018, Y ký hợp đồng mua bán số 01/KOA/2018 với Công ty I, thỏa thuận nhập khẩu chính thức 14 sản phẩm mỹ phẩm các loại và 06 sản phẩm mỹ phẩm dự phòng, bổ sung với tổng giá trị hợp đồng là 102.493,56 Đô la Úc (AUD) bao gồm tiền mua các sản phẩm mỹ phẩm và chi phí thiết kế nhãn và hộp. Sau khi ký hợp đồng, Y thỏa thuận và ký hợp đồng dịch vụ thuê Công ty TNHH A5 để làm thủ tục vận chuyển hàng hóa như nêu trên từ Úc về Việt Nam và làm thủ tục nhập khẩu, thuê Công ty TNHH T7 để làm thủ tục đăng ký công bố sản phẩm mỹ phẩm tại Cục Q1 - Bộ Y1. Y thuê và yêu cầu Nguyễn Thị Bích H liên hệ với các đơn vị trên để nhận và cung cấp tài liệu làm thủ tục đăng ký công bố và thủ tục nhập khẩu lô hàng nêu trên.

Quá trình mua bán hàng, nhập khẩu hàng hóa từ Úc về Việt Nam, phía D1 và đại diện Công ty I cung cấp qua email cho Y các chứng từ sau: Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O), Giấy chứng nhận lưu hành tự do, thư ủy quyền được hợp thức hóa lãnh sự quán; Danh sách tên hàng hóa mỹ phẩm các loại có thống kê về thể tích, công thức thành phần, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm và gửi cho Y bản gốc các chứng từ Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O), Giấy chứng nhận lưu hành tự do, thư ủy quyền được hợp thức hóa lãnh sự quán qua đường bưu điện để Y giao đến Nguyễn Thị Bích H để làm thủ tục công bố các sản phẩm và làm thủ tục nhập khẩu.

Quá trình làm thủ tục công bố các sản phẩm, cả Y và H đều biết tên hàng hóa trên Bảng thành phần của từng sản phẩm và Giấy chứng nhận lưu hành tự do của sản phẩm, T ủy quyền khác nhau. Y có yêu cầu phía công ty sản xuất bên nước ngoài điều chỉnh tên hàng cho phù hợp với yêu cầu tại Việt Nam, nhưng phía công ty bên Úc không đồng ý, vì thủ tục bên đó rất khó, mất nhiều thời gian để thực hiện, hàng hóa đã sản xuất, đã thực hiện giao hàng đến kho, chờ Công ty TNHH A5 đại diện Công ty T2 nhận hàng và Công ty T2 đã toán tiền. Do đó, không thể bỏ lại hàng tại nước Úc mà phải mang về Việt Nam. Vì vậy, Y mới đồng ý thay đổi tên hàng, không bổ sung đầy đủ tài liệu cho Công ty T7 công bố và sử dụng tên hàng thay đổi (sai so với tên hàng hóa trên Bảng thành phần của từng sản phẩm và tên hàng hóa thực tế nhập khẩu) để làm thủ tục kê khai nhập khẩu.

Bị can Nguyễn Thị Bích H, nhân viên của Công ty T2 thừa nhận hành vi sai phạm và khai: H được Vũ Thị Hải Y thuê là nhân viên của Công ty T2, quá trình làm việc tại công ty, Vũ Thị Hải Y là người ký hợp đồng nhập khẩu sản phẩm mỹ phẩm các loại với công ty ở Úc nhưng giao H liên hệ thuê Công ty TNHH T7 để thực hiện thủ tục công bố sản phẩm mỹ phẩm các loại tại Cục Q1 – Bộ Y1; liên hệ thuê Công ty TNHH A6 để làm thủ tục vận chuyển lô hàng mỹ phẩm trên chuyến bay VN780/MEL-SGN ngày 29/12/2019 từ Úc về Việt Nam và trao đổi thông tin qua email với người đại diện ở Úc tự xưng là Gob để trao đổi những thông tin liên quan đến các sản phẩm nhập khẩu.

Quá trình làm thủ tục công bố, kê khai nhập khẩu: H có nhận Giấy chứng nhận lưu hành tự do của sản phẩm cấp cho nhà máy S2; Thư ủy quyền của chủ sở hữu hoặc nhà sản xuất cho Công ty TNHH T2 được hợp thức hóa lãnh sự và Giấy phép kinh doanh của Công ty TNHH K1 từ Vũ Thị Hải Y. Đồng thời, nhận từ địa chỉ email “dan@gfsvn.com” do Daniel M (quốc tịch Úc) là con riêng của chồng chị Vũ Thị Hải Y gửi file I2 (Danh sách tên, thành phần của sản phẩm). H chuyển toàn bộ hồ sơ nêu trên và chuyển tiếp từ email hanguyen20573@gmail.com đến email: toannguyen@luatthiendi.com cho Nguyễn Minh T1, nhân viên Công ty T7 để làm căn cứ làm thủ tục đăng ký công bố sản phẩm mỹ phẩm Cục Q1, Bộ Y1.

Khi kiểm tra, T1 phát hiện tên trên Danh sách tên, thành phần của sản phẩm không trùng khớp với tên trên Giấy chứng nhận lưu hành; Thư ủy quyền của chủ sở hữu hoặc nhà sản xuất và yêu cầu H và Y điều chỉnh. Đồng thời, trong 14 sản phẩm do Công ty T2 nhập khẩu, chỉ được đăng ký công bố có 13 sản phẩm, có 01 sản phẩm Midnight Silk Antioxidant Whitening C chưa có tên sản phẩm trong Thư ủy quyền nên không thực hiện công bố được. T1 và H có yêu cầu Y báo bên nhà sản xuất làm thêm giấy ủy quyền để nộp bổ sung nhưng do Y không thực hiện.

Sau khi điều chỉnh cho T1 làm thủ tục công bố xong, do chỉ đăng ký công bố được 13 sản phẩm (tên hàng hóa đã điều chỉnh), H và Y cung cấp cho nhân viên Công ty TNHH A6 nhập dữ liệu tờ khai nhập khẩu và hướng dẫn H sử dụng chữ ký số của Công ty K2 truyền tờ khai 103138540260/A11 đề ngày 07/02/2020 trên hệ thống quản lý khai báo hàng hóa nhập khẩu của Cục H3. Từ đó dẫn đến việc kê khai tên và số lượng hàng hóa nhập khẩu không đúng với tên và số lượng hàng hóa thực tế nhập khẩu.

H nhận thấy việc thay đổi tên hàng hóa và không kê khai hàng hóa thực tế nhập khẩu là vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, khi phát hiện sai tên, không đăng ký công bố được, H và T1 có yêu cầu Y cung cấp tên, bổ sung tài liệu để thực hiện cho đúng nhưng Y không thực hiện. Bản thân H chỉ làm nhân viên nên không quyết định được mà phải chấp hành.

- Trần Thị H1, Giám đốc Công ty TNHH T7 khai: Ngày 13/12/2018, Công ty TNHH T7 và Công ty T2 do bà Vũ Thị Hải Y là người đại diện theo pháp luật, trực tiếp ký hợp đồng về việc thực hiện thủ tục đăng ký công bố cho 19 sản phẩm mỹ phẩm các loại cho Công ty T2. Khi tiến hành thực hiện hợp đồng, Công ty T2 chỉ cung cấp hồ sơ, thông tin của 14 sản phẩm mỹ phẩm các loại nên Công ty T7 đã làm thủ tục công bố cho 14 sản phẩm mỹ phẩm, nhưng có một sản phẩm mỹ phẩm nhãn hiệu Midnight Silk Whitening Cream Cục Q1-Bộ Y1 có yêu cầu bổ sung tài liệu liên quan nhưng Công ty T2 không cung cấp nên vẫn chưa được cấp phép công bố. Công ty TNHH T7 nhân viên thực hiện thủ tục đăng ký công bố cho 14 mỹ phẩm ở Công ty T7 là: Nguyễn Minh T1, sử dụng email: toannguyen@luatthiendi.com và sử dụng số điện thoại 0968360760 đăng ký ứng dụng Zalo để liên lạc với email: hanguyen20573@gmail.com và số điện thoại 0908449467 của cá nhân tên H là nhân viên của Công ty T2. Đồng thời, H1 cung cấp nội dung trao đổi qua email giữa Công ty TNHH T7 (do Nguyễn Minh T1 trực tiếp trao đổi) với Công ty K1 cho Cơ quan điều tra.

- Nguyễn Minh T1, nhân viên Công ty TNHH T7 khai phù hợp với lời khai Trần Thị H1, Giám đốc Công ty TNHH T7 về việc phân công T1 thực hiện công bố 14 sản phẩm mỹ phẩm cho Công ty T2 và phù hợp với lời khai của Vũ Thị Hải Y, Nguyễn Thị Bích H về việc điều chỉnh tên hàng, T1 có yêu cầu Y, H điều chỉnh tên hàng sao cho phù hợp với tên hàng trên Giấy chứng nhận lưu hành; Thư ủy quyền của chủ sở hữu hoặc nhà sản xuất và yêu cầu cung cấp bổ sung tài liệu để đăng ký công bố cho M1 nhưng Y, H không cung cấp, do đó T1 không đăng ký công bố cho sản phẩm này.

- Ngày 17/01/2022 và ngày 23/7/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an T9 đã ra Quyết định trưng cầu giám định, đề nghị Phòng K3 Công an T9 tiến hành giám định chữ ký của Vũ Thị Hải Y và hình dấu của Công ty T2 trên các tài liệu hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp; hồ sơ đăng ký mở tài khoản ngân hàng và thanh toán tiền mua hàng hóa quốc tế; hợp đồng mua hàng hóa nhập khẩu; giấy giới thiệu, giấy ủy quyền; hợp đồng tư vấn dịch vụ đăng ký công bố mỹ phẩm, đăng ký khai báo hải quan và vận chuyển hàng hóa quốc tế; hợp đồng và các tài liệu, biên bản bàn giao chữ ký số; văn bản từ chối nhận hàng, xin giải trình và tái xuất. Ngày 21/02/2022 và ngày 05/8/2022, Phòng K3 Công an T9 đã có kết luận giám định số 737/KLGD-TT và số 4136/KLGD-TT, xác định: con dấu, chữ ký trên tài liệu cần giám định và trên mẫu so sánh do cùng một con dấu Koalala đóng ra và cùng một người (Vũ Thị Hải Y) ký ra.

- Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ của Nguyễn Thị Bích H (01 máy vi tính nhãn hiệu Dell Inspiron, đã qua sử dụng, 01 (một) cái điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, đã qua sử dụng, 01 (một) con dấu tên “Vũ Thị Hải Y” và 01 (một) con dấu “Công ty TNHH T2”. Qua kiểm tra, trích xuất dữ liệu email: hanguyen20573@gmail.com của Nguyễn Thị Bích H sử dụng, có nội dung Vũ Thị Hải Y cung cấp cho H: Thông tin của Công ty I ở Australia, Công ty TNHH A6, hợp đồng mua bán mỹ phẩm số 01/KOA/2018 giữa Công ty T2 ký với Công ty I vào ngày 20/7/2018, địa chỉ email của G sử dụng: info@whitelabelcosmeticsandpackaging.com.au, địa chỉ email của L (nhân viên Công ty TNHH A6) sử dụng: lieupham@vinacus.com.vn. Thông qua email, G đã gửi cho H thông tin về danh sách tên hàng hóa mỹ phẩm các loại, số lượng, khối lượng, đơn giá từng sản phẩm, xuất xứ hàng hóa (C), Giấy chứng nhận lưu hành tự do. H sử dụng thông tin nêu trên gửi qua email cho L để soạn thảo tờ khai và thực hiện thủ tục khai báo hải quan, gửi thông tin cho Công ty TNHH T7 thực hiện thủ tục công bố sản phẩm. Tất cả thông tin khi H nhận được từ G và gửi cho L, cho Công ty TNHH T7 đều đồng gửi cho Y biết để theo dõi.

Bản Cáo trạng số 159/CT-VKS-P3, ngày 14/3/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố: các bị cáo Vũ Thị Hải Yến, Nguyễn Thị Bích H theo điểm a khoản 3 Điều 188 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- *Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 468/2023/HS-ST ngày 18/9/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:*

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 188 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm t, s, khoản 1 khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 58; Điều 17 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: bị cáo Vũ Thị Hải Y: 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Buôn lậu”. Thời hạn tù tính từ ngày 14/01/2023.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn Quyết định về tội danh và hình phạt của bị cáo Nguyễn Thị Bích H, về xử lý vật chứng; về án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

- Ngày 25/9/2023, bị cáo Vũ Thị Hải Y có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Vũ Thị Hải Y giữ nguyên nội dung kháng cáo. Bị cáo thừa nhận Tòa án sơ thẩm tuyên xử bị cáo về tội “Buôn lậu” theo điểm a khoản 3 Điều 188 Bộ luật hình sự là đúng, không oan; lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm là đúng nên bị cáo giữ nguyên. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 04 năm 06 tháng tù là quá nặng nên bị cáo kháng cáo xin Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Lý do kháng cáo: Hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn, bị cáo có 1 người anh bị liệt; bị cáo đã ly hôn chồng và đang nuôi con nhỏ (sinh năm 2013); bị cáo bị bệnh; công ty của bị cáo đã đóng cửa nên kinh tế rất khó khăn. Bị cáo xin được áp dụng hình phạt tiền.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án như sau:

Việc thực hiện quy định pháp luật tố tụng hình sự của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng được đảm bảo. Đơn kháng cáo của bị cáo Vũ Thị Hải Y đúng về hình thức, trong hạn luật định, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo: Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm a khoản 3 Điều 188 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Vũ Thị Hải Y 04 năm 06 tháng tù về tội “Buôn lậu” là có căn cứ, đúng pháp luật và đã áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo điểm t, s, khoản 1 khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Vũ Thị Hải Y đảm bảo đúng hình thức và trong thời hạn luật định, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Lời khai của bị cáo Vũ Thị Hải Y là phù hợp với lời khai của bị cáo Nguyễn Thị Bích H và các tài liệu, chứng cứ thu thập được có lưu trong hồ sơ vụ

án. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Vũ Thị Hải Y về tội “Buôn lậu” theo điểm a khoản 3 Điều 188 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Vũ Thị Hải Y, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 04 năm 06 tháng tù về tội “Buôn lậu” là tương xứng, phù hợp với tính chất, mức độ vi phạm và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét và áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt tại khoản 3 Điều 188 Bộ luật hình sự. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được áp dụng hình phạt tiền nhưng không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vũ Thị Hải Y, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 468/2023/HS-ST ngày 18/9/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 188; điểm t, s, khoản 1 khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 58; Điều 17 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: bị cáo Vũ Thị Hải Y: 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Buôn lậu”, thời hạn tù tính từ ngày 14/01/2023.

3. Về án phí căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Vũ Thị Hải Y phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- Công an Tp. Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp Tp. Hồ Chí Minh

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Cục Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;
- Trại tạm giam Công an Tp. Hồ Chí Minh
(Trại tạm giam Công an Tp. Hồ Chí Minh
tổng đạt cho bị cáo);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án, PQH.

Ngô Đức Thọ